

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua Quy hoạch sử dụng đất
thời kỳ 2021-2030 của huyện Côn Đảo**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng đất lúa;

Căn cứ Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 2199/UBND-VP ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc chấp thuận thực hiện dự án:

Lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2021-2025) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cấp huyện;

Căn cứ Công văn số 10259/UBND-VP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

Căn cứ Công văn số 4337/UBND-VP ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, về lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Công văn số 1846/STNMT-CCQLĐĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc Lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện;

Căn cứ Công văn số 2645/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc lựa chọn đơn vị tư vấn và tình hình triển khai công tác lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Công văn số 2649/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Công văn số 3732/STNMT-CCQLĐĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về thẩm định hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện;

Căn cứ Công văn số 3818/STNMT-CCQLĐĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030;

Tại điểm a Khoản 2 Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường như sau:

“a) Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của huyện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;”

Đến nay, công tác lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện đã cơ bản hoàn thành. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo kính trình Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo dự thảo Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện để thống nhất thông qua trước khi trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình thông qua kèm theo Tờ trình gồm:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của Huyện Côn Đảo .

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của huyện Côn Đảo, tỷ lệ 1/10.000.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Côn Đảo, tỷ lệ 1/10.000.

- Các Phụ lục từ số 01-06.

2. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (giai đoạn từ năm 2011-2020):

2.1. Tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư:

Theo Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Côn Đảo và số 549/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Côn Đảo, trên địa bàn huyện có 169 dự án đăng ký thực hiện giai đoạn 2011-2020. Tiến độ triển khai cụ thể như sau:

Trên cơ sở các dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của UBND huyện Côn Đảo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 12/03/2019, Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo đã tổ chức triển khai thực hiện. Kết quả cụ thể như sau:

Tổng số dự án đăng ký thực hiện giai đoạn 2011-2020: 168 dự án, tổng diện tích 631,67 ha. Trong đó:

- Số dự án đã thực hiện xong thủ tục đất đai: 65 dự án (đạt tỷ lệ 38,69%), diện tích 254,21 (đạt tỷ lệ 40,24%).

- Số dự án đã hoàn thành thủ tục thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hiện đang lập thủ tục giao đất, cho thuê đất và chuyên mục đích sử dụng đất: 14 dự án (đạt tỷ lệ 8,33%), diện tích 30,23 (đạt tỷ lệ 4,79%).

- Số dự án đang thực hiện thủ tục đất đai: 62 dự án (đạt tỷ lệ 36,90%), diện tích 233,85 (đạt tỷ lệ 37,02%).

- Số dự án không có tiến độ thực hiện: 27 dự án (đạt tỷ lệ 16,07%), diện tích 113,38 ha (đạt tỷ lệ 17,97%).

(Chi tiết theo phụ lục số 1 đính kèm).

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

(1). Đối với tổng diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Côn Đảo là 7.578,87 ha (theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019).

(2). Đối với nhóm đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp theo hiện trạng năm 2010 là 6.098,14 ha, chỉ tiêu tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 6.524,65 ha, tăng 426,51 ha so với hiện trạng 2010. Kết quả thực hiện đến năm 2020 là 6.718,76 ha, cao hơn 194,11 ha so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt đạt 102,98% chỉ tiêu Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

(3). Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:

Diện tích đất phi nông nghiệp theo hiện trạng năm 2010 là 543,94 ha, chỉ tiêu tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 1.012,64 ha, tăng 468,70 ha so với hiện trạng 2010. Kết quả thực hiện đến năm 2020 là 707,92 ha, thấp hơn 304,72 ha so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt đạt 69,91% chỉ tiêu UBND tỉnh giao.

(4). Đối với nhóm đất chưa sử dụng:

Chỉ tiêu được tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 0 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2020 là 152,19 ha, tăng 152,19 ha so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

(Chi tiết theo phụ lục số 2 đính kèm).

2.3. Đánh giá tồn tại, nguyên nhân trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020:

Trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất có những vướng mắc, hạn chế phát sinh, dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa đạt so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt. Cụ thể như sau:

- Các Chủ đầu tư đăng ký danh mục các dự án nhiều hơn so với khả năng tổ chức thực hiện và khả năng cân đối bố trí vốn trong kỳ quy hoạch.

- Quy trình, thủ tục cho đến khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện nhiều bước, thời gian kéo dài (lập phê duyệt dự án, quy hoạch xây dựng chi tiết, đo đạc lập bản đồ địa chính, kiểm kê, khảo sát giá thực tế, bồi thường, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất,...), dẫn đến không thể hoàn thành kịp trong kỳ quy hoạch.

- Đối với dự án vốn ngân sách: Khó khăn trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ dự án thu hồi đất, giao thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất không cao.

- Đối với dự án ngoài ngân sách: Do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên việc huy động nguồn vốn đầu tư của các dự án chưa được đảm bảo; Chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc tự thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án; Ngoài ra, một số Chủ đầu tư chưa tích cực triển khai thực hiện dự án.

3. Nội dung phương án lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện:

3.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Côn Đảo có tổng diện tích đất tự nhiên là 7.578,87 ha. Trong đó:

- Đối với nhóm đất nông nghiệp: Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2020 là 6.718,76 ha. Đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp theo quy hoạch dự kiến là 6.351,74 ha, giảm so với hiện trạng là 367,02 ha, chiếm tỷ lệ 83,81% so với diện tích tự nhiên.

- Đối với nhóm đất phi nông nghiệp: Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2020 là 707,02 ha. Đến năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp theo quy hoạch dự kiến là 1.149,64 ha, tăng so với hiện trạng là 441,72 ha, chiếm tỷ lệ 15,17% so với diện tích tự nhiên.

- Đối với nhóm đất chưa sử dụng: Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng năm 2020 là 152,19 ha. Đến năm 2030, huyện Côn Đảo còn 77,49 ha đất chưa sử dụng chiếm 1,02% diện tích tự nhiên huyện, giảm 74,70 ha so với năm hiện trạng 2020.

(Chi tiết theo phụ lục số 3 đính kèm).

3.2. Kế hoạch chuyển mục đích trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030:

Thời kỳ quy hoạch 2021-2030 cần chuyển mục đích sử dụng đất là 373,77 ha. Trong đó: Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 367,02 ha, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 6,75 ha *(Chi tiết theo phụ lục số 4 đính kèm).*

3.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch 2021- 2030:

Đề khai thác triệt để và có hiệu quả tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các ngành; trong kỳ quy hoạch sẽ khai thác 74,70 ha diện tích đất chưa sử dụng vào mục đích: đất thương mại dịch vụ 62,24 ha, đất giao thông 10,79 ha, đất di tích lịch sử - văn hóa 0,27 ha, đất ở đô thị 1,40 ha.

(Chi tiết theo phụ lục số 5 đính kèm).

Danh mục dự án, công trình, nhu cầu sử dụng đất trong kỳ lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và vị trí các dự án, công trình trong kỳ quy hoạch sử dụng đất được thể hiện trên Bản đồ lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000 do UBND huyện Côn Đảo xác lập *(chi tiết theo Phụ lục số 06 đính kèm).*

4. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện:

Sau khi phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt, sẽ được tổ chức triển khai thực hiện như sau:

- Công bố công khai lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của Huyện Côn Đảo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Triển khai thực hiện việc quản lý đất đai và tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đã được phê duyệt.

- Đầu tư đồng bộ kết hợp xây dựng kết cấu hạ tầng với phát triển đô thị; ưu tiên giành đất cho các nhu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng đô thị, khu dân cư, đất xây dựng cơ sở hạ tầng, an ninh quốc phòng, giáo dục, y tế, thể dục thể thao và văn hoá trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng tài nguyên đất đai bền vững và có hiệu quả.

- Khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện, tạo điều kiện cho các đối tượng sử dụng đất có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất đai và môi trường sinh thái.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến, cập nhật kịp thời những thông tin mới nhất về đất đai để điều chỉnh bổ sung, nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả thực tiễn cao của phương án quy hoạch sử dụng, kế hoạch sử dụng đất, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo xem xét, thông qua./.

(Đính kèm các Phụ lục từ số 1-6 và các hồ sơ có liên quan) *H.ư*

Nơi nhận:

- TTr. Huyện ủy (b/c);
- HĐND huyện (b/c);
- CT và các PCT. UBND huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- Lưu: VT, TH, TNMT.

Đính kèm:

- Các Phụ lục từ số 01-06;
- Các tài liệu có liên quan. *H.ư*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Phong



PHỤ LỤC SỐ 01:
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2011-2020
CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: ha

TT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
Tổng số dự án đăng ký thực hiện năm 2011-2020 (168 dự án, công trình)				631,67	234,08	258,63		
A	Các dự án đã thực hiện xong thủ tục đất đai (65 công trình)			254,21	234,08		Đã thực hiện xong thủ tục đất đai (giao thuê đất, chuyển mục đích sử dụng)	Không đưa vào QH 2021-2030
1	Nhà tập thể giáo viên	ONT	Trung tâm	0,18	0,18		-nt-	-nt-
2	Chung cư cho người thu nhập thấp	ONT	Trung tâm	0,48	0,48		-nt-	-nt-
3	Doanh trại nhà máy Z49	CQP	Trung tâm	0,12	0,15		-nt-	-nt-
4	Sixsenses Hideaway CĐ	TMD	Đất Dốc	23,18	23,18		-nt-	-nt-
5	Văn phòng giao dịch Công ty Công trình giao thông tỉnh BR- VT	DTS	Trung tâm	0,11	0,11		-nt-	-nt-
6	Khu du lịch Poulo Condor Cỏ Ống	TMD	Cỏ Ống	50,00	29,90		-nt-	-nt-
7	Đường dẫn cầu suối ớt	DGT	Cỏ Ống	0,55	0,55		-nt-	-nt-
8	Đường Hồ Văn Mịch	DGT	Trung tâm	0,99	0,99		-nt-	-nt-
9	Đường song hành khu QH dân cư số 2 (nối dài)	DGT	Trung tâm	0,68	0,68		-nt-	-nt-
10	Hồ Quang Trung II	DTL	Trung tâm	10,50	10,50		-nt-	-nt-
11	Mở rộng Nhà máy điện An Hội	DNL	Trung tâm	2,80	2,80		-nt-	-nt-
12	Trung tâm Văn hóa- Học tập cộng đồng Khu dân cư số 1	DVH	Cỏ Ống	0,12	0,12		-nt-	-nt-
13	Trạm y tế Bến Đầm	DYT	Bến Đầm	0,08	0,08		-nt-	-nt-
14	Chi nhánh Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên & MT	DTS	Trung tâm	0,03	0,03		-nt-	-nt-
15	Văn phòng Hải quan Bến Đầm	TSC	Bến Đầm	0,46	0,46		-nt-	-nt-
16	Trụ sở ban quản lý dự án huyện Côn Đảo	TSC	Trung tâm	0,10	0,08		-nt-	-nt-
17	- Km0-Km7	DGT	Bến Đầm	11,20	11,20		-nt-	-nt-
18	Đường Huỳnh Thúc Kháng	DGT	Trung tâm	4,21	4,21		-nt-	-nt-
19	Đường Bến Đầm	DGT	Bến Đầm	19,09	19,09		-nt-	-nt-
20	Đường Phan Chu Trinh	DGT	Trung tâm	2,58	2,58		-nt-	-nt-
21	Đường Nguyễn An Ninh	DGT	Trung tâm	2,15	2,15		-nt-	-nt-
22	Đường Võ Thị Sáu	DGT	Trung tâm	2,00	1,94		-nt-	-nt-
23	Đường Nguyễn Văn Cừ	DGT	Trung tâm	0,49	0,49		-nt-	-nt-
24	Xí nghiệp sản xuất nước đá(Cty Phương Nam)	SKC	Trung tâm	0,15	0,15		-nt-	-nt-



TT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
25	Đường Hà Huy Giáp	DGT	Trung tâm	0,65	1,23		-nt-	-nt-
26	Bộ tư lệnh cảnh sát biển	CQP	Bến Đầm	6,00	6,00		-nt-	-nt-
27	Kho cảng quân khu 7	CQP	Bến Đầm	2,62	2,62		-nt-	
28	Trạm T19	CQP	Khu An Hải	2,55	2,55		-nt-	-nt-
29	Đường Tây Bắc	DGT	Trung tâm	19,79	19,79		-nt-	-nt-
30	Đồn công an Bến Đầm	CAN	Bến Đầm	0,14	0,14		-nt-	-nt-
31	Trụ sở hợp tác xã mỹ nghệ Côn Đảo	TMD	Trung tâm	0,05	0,05		-nt-	-nt-
32	Nhà điều hành sản xuất điện lực	DNL	Trung tâm	0,20	0,20		-nt-	-nt-
33	TB-10	CQP	Bến Đầm	6,45	6,45		-nt-	-nt-
34	Trung tâm Văn hóa- HTCĐ Khu dân cư số 2	DVH	Trung tâm	0,33	0,33		-nt-	-nt-
35	Trung tâm Văn hóa- HTCĐ Khu dân cư số 3	DVH	Trung tâm	0,25	0,23		-nt-	-nt-
36	Trường THCS Côn Đảo	DGD	Trung tâm	2,00	2,00		-nt-	-nt-
37	Trụ sở chi cục thống kê	TSC	Trung tâm	0,03	0,03		-nt-	-nt-
38	Chợ Côn Đảo	DCH	Trung tâm	0,90	0,90		-nt-	-nt-
39	Đường và Kè Hồ Quang Trung	DGT	Trung tâm	18,00	18,00		-nt-	-nt-
40	Xây dựng đường Song hành khu dân cư theo quy hoạch (đoạn còn lại)	DGT	Trung tâm	0,12	0,12		-nt-	-nt-
41	Cửa hàng bình ổn giá Côn Đảo	TMD	Trung tâm	0,05	0,05		-nt-	-nt-
42	Trụ sở chi nhánh công ty bay dịch vụ Hàng không (VASCO) tại Côn Đảo	DTS	Trung tâm	0,08	0,08		-nt-	-nt-
43	Trạm rada 32-294-367 (trạm ra da vùng 2 hải quân)	CQP	Chân núi thánh giá	2,85	2,85		-nt-	-nt-
			Đỉnh núi thánh giá	11,51	11,51		-nt-	-nt-
44	Nhà công vụ cho lực lượng vũ trang	CAN	Nguyễn Huệ - Trần Huy Liệu	0,45	0,29		-nt-	-nt-
45	Xây dựng bể chứa nước tại nhà máy nước lớn	TMD	Trung tâm	0,45	0,45		-nt-	-nt-
46	Văn phòng làm việc và biệt thự du lịch huyện Côn Đảo	TMD	Nguyễn Huệ - Ngô Gia Tự	0,08	0,08		-nt-	-nt-
47	Dự án siêu thị hoa quả, rau sạch và dịch vụ Hoa Hồng Vàng	TMD	Trung tâm	0,13	0,13		-nt-	-nt-
48	Khu đất đấu giá 1,96 ha tại huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	1,00	1,00		-nt-	-nt-
49	Cải tạo, nâng cấp đường và bãi đậu xe tại cổng Tây Bắc nghĩa trang Hàng Dương	DGT	Trung tâm	1,01	1,01		-nt-	-nt-



TT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
50	Cải tạo, nâng cấp đường nội bộ khu dân cư số 8	DGT	Trung tâm	0,80	0,80		-nt-	-nt-
51	Đường vào Bãi Đầm Trầu	DGT	Cò Ông	1,58	1,58		-nt-	-nt-
52	Xây dựng các đường bên hông và trước mặt trường THCS Côn Đảo	DGT	Trung tâm	0,75	0,75		-nt-	-nt-
53	Cảng hàng không Côn Sơn	DGT	Cò Ông	5,40	5,40		-nt-	-nt-
54	Đường nhánh Ngô Gia Tự	DGT	Trung tâm	0,08	0,08		-nt-	-nt-
55	Trường mầm non Bến Đầm giai đoạn I	DGD	Bến Đầm	0,52	0,52		-nt-	-nt-
56	Mở rộng Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo	TSC	Trung tâm	0,25	0,25		-nt-	-nt-
57	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm cung cấp nước CĐ	TMD	Trung tâm	0,30	0,30		-nt-	-nt-
58	Nhà tiếp đón người có công tại huyện Côn Đảo	DTS	Trung tâm	0,40	0,40		-nt-	-nt-
59	Trụ sở đội giao thông công chánh huyện Côn Đảo	DTS	Trung tâm	0,31	0,31		-nt-	-nt-
60	Phòng giao dịch ngân hàng chính sách huyện Côn Đảo	DTS	Trung tâm	0,13	0,13		-nt-	-nt-
61	Xây dựng công viên Nguyễn Huệ	DKV	Trung tâm	0,14	0,15		-nt-	-nt-
62	Khai thác vật liệu san lấp mỏ 03 CĐ và 05 CĐ	SKX	Bến Đầm	3,60	3,21		-nt-	-nt-
63	Nghĩa địa Đất Dốc	NTD	bãi Đất Dốc	1,60	1,60		-nt-	-nt-
64	MR nâng cấp cảng Bến Đầm	DGT	Bến Đầm	20,46	20,46		-nt-	-nt-
65	KDL An Hải (RS 3.1, RS 3.2, BT 3.3)	TMD	Trung tâm	7,95	7,95		-nt-	-nt-
B	Các công trình đã thực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất (14 công trình)			30,23		29,89		Đưa vào QH 2021-2030
1	Trạm tiếp sóng phát thanh truyền hình tỉnh	DBV	Trung tâm, Cò Ông, Bến Đầm	0,80		0,80	Công trình đã thực hiện xong, đưa vào sử dụng, đang lập hồ sơ giao đất	-nt-
2	Chốt kiểm dịch động vật Bến Đầm	DTS	Khu Bến Đầm	0,15		0,15	Công trình đã thực hiện xong, đưa vào sử dụng, đang lập hồ sơ giao đất	-nt-
3	Khu neo đậu tránh bão Bến Đầm	DGT	Bến Đầm	12,00		12,00	Đã xây dựng xong, đang lập hồ sơ thủ tục giao đất	-nt-
4	Kho bãi chứa hàng tại cảng Bến Đầm	DGT	Bến Đầm	3,22		3,22	Đã xây dựng xong, đang lập hồ sơ thủ tục giao đất (nằm trong khuôn viên khu neo đậu tránh trú bão cảng Bến Đầm)	-nt-



TT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
5	Trạm radar 32/f367 (trạm radar phòng không 367)	CQP	Chân núi thánh giá	3,00		3,00	Đã xây dựng xong, đang lập hồ sơ thủ tục giao đất	-nt-
	Đỉnh núi thánh giá		0,28		0,30			
6	Đồn BP Côn Đảo vị trí mới	CQP	Trung tâm	1,00		0,40	Quyết định cấp đất số 2453/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 về việc giao 4.015m ² ; giấy CN QSDĐ CV844828	-nt-
7	Xây dựng 2 bể điều áp đầu các tuyến Bến Đầm, Cò Ông	TMD	Bến Đầm, Cò Ông	0,10		0,06	Đã xây dựng xong, đang làm thủ tục giao đất	-nt-
8	Cải tạo tuyến đường vào cổng chính nghĩa trang Hàng Dương (giai đoạn 1)	DGT	Trung tâm	0,61		0,61	Đã hoàn thành	-nt-
9	Nâng cấp tuyến đường Võ Thi Sáu, huyện Côn Đảo	DGT	Trung tâm	0,90		1,09	Đã hoàn thành	-nt-
10	Xây dựng một số tuyến đường theo QH khu Bến Đầm	DGT	Bến Đầm	0,59		0,59	Thi công hoàn thành	-nt-
11	Trường mầm non Côn Đảo	DGD	Trung tâm	0,52		0,52	Đã thi công hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng	-nt-
12	Chùa Núi Một	DDT	Khu An Hải	1,99		1,99	Đã đo đạc lập HSDC, đang thực hiện thủ tục giao đất	-nt-
13	Trung tâm tìm kiếm cứu hộ cứu nạn	CQP	Bến Đầm	3,06		3,06	Quyết định cấp đất số 2452/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 về việc giao 30.119,6 m ² ; giấy CN QSDĐ CV 844829 và CV844830	-nt-
14	Cảng tàu khách	DGT	Trung tâm	2,01		2,10	Đã xây dựng xong, đang làm thủ tục giao đất	-nt-
C	Các công trình đang tiếp tục thực hiện (62 công trình)			233,85		228,74		Đưa vào QH 2021-2030
1	Đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo	DGT	Trung tâm	14,34		28,20	Xin chủ trương dừng công tác đấu thầu để nghiên cứu phương án xã hội hóa dự án; Đang triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng	-nt-
2	Nhà máy xử lý rác tại huyện Côn Đảo	RAC	Bến Đầm	3,20		1,92	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-



TT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
3	Cụm CN-TTCN Bến Đầm	SKN	Bến Đầm	20,25		19,44	Hoàn tất công tác lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng; Đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích SDD rừng	-nt-
4	Khu du lịch Phúc hợp Lò Vôi (RS 4.1)	TMD	Khu Lò Vôi	5,62		5,62	Đang thực hiện thủ tục đầu tư	-nt-
5	Nhà công vụ công an Huyện Côn Đảo	CAN	Trung tâm	0,18		0,17	Đang triển khai bồi thường giải phóng mặt bằng	-nt-
6	Trụ sở đội cảnh sát PCCC huyện Côn Đảo	CQP	Trung tâm	0,46		0,27	Đang triển khai thủ tục pháp lý	-nt-
7	Khu đất 0,83 ha (HH2.6)	TMD	Trung tâm	0,83		0,83	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
8	Khu đất 0,5 ha tại trung tâm huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	0,50		0,50	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
9	Khu đất giá 0,77 ha (KS2.1)	TMD	Trung tâm	0,77		0,77	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
10	Khu đất đấu giá 2,09ha tại huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	2,08		2,09	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
11	Khách sạn, thương mại dịch vụ trung tâm Côn Sơn gồm 16 khu (KS2.5; HH2.4; HH2.8; HH1.8; HH2.7; HH1.9; CC6.1; CC6.4; CC1.5; CC1.2; CC1.4; CC1.1; CC1.3; HH3.1; KS2.1; KS3.1 phần còn lại)	TMD	Trung tâm	22,93		16,68	Đang kêu gọi đầu tư, chưa triển khai thực hiện	-nt-
12	Khu HH 1.6 (gồm khối trụ sở UBND, Phòng TN&MT, Nhà khách khí tượng...)	TMD	Trung tâm			1,33	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
13	Khu HH 1.7 Viện KS nhân dân, BQL CTCC...)	TMD	Trung tâm			1,03	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
14	Khu du lịch Bến Đầm gồm 9 khu (KS1b1; HH1b1; HH1b2; Hh3.2; KS1a.2; KS1a.3; KS1a.4; KS1a.5; HH1a.2)	TMD	Bến Đầm	4,74		2,99	Đang kêu gọi đầu tư, chưa triển khai thực hiện	-nt-
15	Khu đất 1,36ha tại trung tâm huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	1,36		1,36	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
16	Khu khách sạn, biệt thự du lịch và dịch vụ (H2.2)	TMD	Trung tâm	1,22		1,22	Đang triển khai thực hiện	-nt-
17	Khu đất đấu giá 1,73ha tại huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	1,73		1,73	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-



TT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
18	Khu đất 0,77ha tại Trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	0,77		0,77	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
19	Khu đất 3,55 ha tại Đá Trắng, huyện Côn Đảo	TMD	Đá Trắng	1,52		1,52	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
20	Khu đất 0,9 ha tại TT huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	0,91		0,91	TTPT quỹ đất đang lập thủ tục bàn giao đất công về huyện quản lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh	-nt-
21	Khu đất 0,64 ha tại TT Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	0,64		0,64	TTPT quỹ đất đang lập thủ tục bàn giao đất công về huyện quản lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh	-nt-
22	Khu đất 1,43 ha tại TT Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	1,43		0,93	TTPT quỹ đất đang lập thủ tục bàn giao đất công về huyện quản lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh	-nt-
23	Khu đất 1,62 ha tại TT Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	1,39		1,39	Đang triển khai thực hiện	-nt-
24	Khu đất 1,42ha tại Trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	1,42		1,42	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện	-nt-
25	Kho Lương Dụng Huyện Côn Đảo	CQP	Trung tâm	1,21		1,26	Đã đo đạc, cắm mốc, lập danh sách điều tra cơ bản, lập bản đồ thu hồi đất trình VPĐK thẩm định	-nt-
26	Xây dựng nhà máy nước sinh hoạt huyện Côn Đảo công suất 3,000m ³ /ng.đêm (tên dự án cũ: Nâng cấp công suất nhà máy xử lý nước sinh hoạt khu trung tâm (6.000m ³ /ng.đêm)	SKC	Trung tâm	0,35		0,35	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-
27	Bãi đậu xe chợ	DGT	Trung tâm	0,09		0,09	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-
28	Đường xuống bãi tắm	DGT	Trung tâm	0,44		0,44	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-
29	Đường Ngô Gia tự kéo dài đến KDC số 3	DGT	Trung tâm	4,45		4,45	Đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án	-nt-
30	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu trung tâm Côn Đảo (Hạng mục: Xây dựng một số tuyến đường mới khu dân cư số 3)	DGT	Trung tâm	10,24		12,77	- Đã Thông báo và tiến hành kiểm kê, đang hoàn thiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; - Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng	-nt-



TT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
31	Nâng cấp đường Huỳnh Thúc Kháng và xây dựng hệ thống mương thu gom vào các hồ chứa	DGT	Trung tâm	11,36		5,02	- Đã Thông báo và tiến hành kiểm kê, đang hoàn thiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; - Thi công xây dựng công trình	-nt-
32	Nạo vét hồ Quang Trung 1	DTL	Trung tâm	23,27		21,75	Đang thực hiện	-nt-
33	Hồ chứa nước Lò Vôi	DTL	Trung tâm	4,67		3,89	- Đã Thông báo và tiến hành kiểm kê, đang hoàn thiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;	-nt-
34	Hồ chứa nước Suối Ót	DTL	Cò Ống	2,25		2,18	- Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng; - Đã hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; - Hoàn thiện công trình để bàn giao đưa vào sử dụng	-nt-
35	Nâng cấp hệ thống cấp nước Bến Đầm- Cò Ống	DTL	Bến Đầm - Cò Ống	0,20		0,20	- Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng; - Đã hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. - Thi công xây dựng công trình	-nt-
36	Mở rộng, nạo vét hồ An Hải	DTL	Trung tâm	18,00		23,35	Thi công xây dựng công trình; Đang triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng	-nt-
37	Công viên năng lượng mặt trời	DNL	Trung tâm	8,95		8,95	Đang lập các thủ tục đầu tư dự án	-nt-
38	Đài tưởng niệm trung tâm	DVH	Trung tâm	0,57		0,57	Đang lập các thủ tục đầu tư dự án	-nt-
39	Xây dựng giai đoạn 2 Trung tâm Văn hóa TTTT	DVH	Trung tâm	10,15		5,37	Đang lập các thủ tục đầu tư dự án	-nt-
40	Trung tâm y tế dự phòng	DYT	Trung tâm	0,97		0,78	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-
41	Xây dựng điểm trường cấp I+II khu Bến Đầm K13	DGD	Bến Đầm	0,42		0,50	Thực hiện giai đoạn 2023-2025	-nt-
42	Trường tiểu học Côn Đảo	DGD	Trung tâm	0,50		0,50	- Đã hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; - Thi công xây dựng công Trình	-nt-
43	Trường THCS (TH 2.1)	DGD	Trung tâm	0,57		0,47	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-



STT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
44	Trường MN Côn Đảo	DGD	Trung tâm	0,40		0,50	Đang lập các thủ tục đầu tư dự án	-nt-
45	Hệ thống thu gom xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo	RAC	Trung tâm	1,50		1,48	- Đã hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; - Thi công xây dựng công trình	-nt-
46	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trung tâm huyện Côn Đảo (tên dự án cũ: Cơ sở hạ tầng khu TĐC theo quy hoạch trung tâm Côn Đảo khu 9A)	ONT	Trung tâm	8,80		2,63	'- Đã phê duyệt phương án bồi thường (đợt 1); hiện đang rà soát hoàn thiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 2); - Trình điều chỉnh dự án	-nt-
47	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lô K	ONT	Trung tâm	0,80		0,80	Đã thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	-nt-
48	Xây dựng Trung tâm hành chính mới	TSC	Trung tâm	2,75		2,75	Đang lập các thủ tục đầu tư dự án	-nt-
49	Văn phòng đại diện cảng vụ hàng hải	DTS	Bến Đầm	0,12		0,12	- Đã hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng chưa có QĐ thu hồi đất	-nt-
50	Xây dựng Nhà làm việc KDC số 10	DVH	Bến Đầm	1,06		0,58	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-
51	Xây dựng Nhà làm việc chung cho các KDC số 5,6,8	DVH	Trung tâm	0,60		0,35	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-
52	Xây dựng Nhà làm việc chung KDC số 7,9	DVH	Trung tâm			0,35		-nt-
53	Công viên dành cho trẻ em	DKV	Trung tâm	0,76		0,76	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-
54	Trạm ứng dụng và chuyển giao công nghệ huyện Côn Đảo	NKH	Trung tâm	1,28		1,28	Đang triển khai thủ tục pháp lý	-nt-
55	Trại sản xuất hoa và rau sạch áp dụng công nghệ cao	NKH	Trung tâm	7,10		7,78	Đang triển khai thủ tục pháp lý	-nt-
56	Khu trung tâm thương mại	TMD	Trung tâm	0,57		0,08	Đang thực hiện thủ tục đấu giá	-nt-
57	Khu trung tâm thương mại	TMD	Trung tâm			0,15	Đang thực hiện thủ tục đấu giá	-nt-
58	Nghĩa trang nhân dân huyện Côn Đảo	NTD	Bến Đầm	3,84		5,50	Chuyển vị trí về khu đất dốc	-nt-
59	Hạ tầng lô E	ONT	Trung tâm	1,74		1,74	Đang lập các thủ tục đầu tư dự án	-nt-
60	Đất thương mại dịch vụ khu Đầm Trầu	TMD	Cò Ông	12,50		12,50	Đang kêu gọi đầu tư, chưa triển khai thực hiện	-nt-
61	Chung cư tái định cư (chung cư công vụ 2)	ONT	Trung tâm	2,50		2,50	Thực hiện giai đoạn 2026-2030	-nt-



STT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
62	Nâng cấp chỉnh trang Đường vào miếu bà Hoàng Phi Yên	DGT	Trung tâm	0,58		0,27	Dự án đang triển khai thi công xây dựng	-nt-
D	Các công trình hủy bỏ không triển khai thực hiện (Có 27 dự án)			113,38				Không đưa vào QH 2021-2030
1	Công ty TNHH TM -DV Xuân Việt	TMD	Trung tâm	0,10			Đã quá hạn thỏa thuận địa điểm hơn 10 năm, không thực hiện	-nt-
2	Trạm Viettel	DBV	Trung tâm	0,10			Đã kiểm kê, thông báo thu hồi đất nhưng không thực hiện	-nt-
3	Kho lưu trữ chuyên dụng thuộc UBND huyện	DTS	Trung tâm	0,10			Đã bố trí đất trong khuôn viên UBND huyện	-nt-
4	Trụ sở chi cục thuế	TSC	Bến Đầm	0,15			Không phù hợp với 1/2000, không triển khai	-nt-
5	Bưu cục Bến Đầm	DBV	Bến Đầm	0,05			Quá hạn 5 năm không thực hiện và không phù hợp với 1/2000	-nt-
6	KDL nghỉ dưỡng và lướt sóng Côn Đảo Shangirila	TMD	Cô Ông	7,75			Chưa triển khai	-nt-
7	Trung tâm tiếp sóng truyền hình cáp và mạng truyền dẫn	DBV	Trung tâm	1,00			Đã thực hiện các trạm tiếp sóng truyền hình vị trí này không phù hợp với 1/2000	-nt-
8	Trường tiểu học bán trú	DGD	Trung tâm	2,00			Không phù hợp với quy hoạch 1/2000	-nt-
9	Công ty thoát nước Bà Rịa - Vũng Tàu	DTS	Bến Đầm	0,50			Không phù hợp với quy hoạch 1/2000	-nt-
10	Trung tâm diễn giải Tài nguyên và Môi trường, nhà công vụ BQL Vườn QG CĐ	DTS	Trung tâm	0,96			Không có chủ trương đầu tư	-nt-
11	Khu hậu cứ bảo đảm an toàn Hàng Hải	CQP	Đá trắng	1,89			Không có chủ trương đầu tư	-nt-
12	Trung tâm tìm kiếm cứu hộ cứu nạn côn đảo	CQP	Trung tâm	0,50			Không có chủ trương đầu tư	-nt-
13	Trụ sở văn hoá Khu dân cư số 4,5,6,7,8,9,10	DVH	Huyện Côn Đảo	0,18			Thay đổi vị trí	-nt-
14	Trung tâm giáo dục thường xuyên – HN	DGD	Trung tâm	0,50			Không triển khai thực hiện	-nt-
15	Trung tâm phát triển quỹ đất	TSC	Trung tâm	0,03			Chưa triển khai	-nt-
16	MR Khu nuôi cấy Ngọc Trai	TMD	Trung tâm	1,28			Chưa triển khai	-nt-
17	Ngân hàng AgriBank	DTS	Trung tâm	0,30			Không triển khai thực hiện	-nt-
18	Cụm khách sạn nhà nghỉ cao cấp Phi Yên (Nhà khách tỉnh ủy)	TMD	Trung tâm	1,05			Chủ đầu tư không đăng ký thực hiện	-nt-



TT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)			Tiến độ triển khai của dự án hiện nay	Ghi chú
				Diện tích thực hiện 2011-2020	Đã thực hiện	Chuyển tiếp thực hiện 2021-2030		
19	KDL Bãi Vông	TMD	Cò Ông	79,00			Không triển khai thực hiện	-nt-
20	Bãi tập kết xe, VLXD và trụ sở doanh nghiệp vận tải tư nhân Quốc Thái	TMD	Trung tâm	0,39			Chủ đầu tư không đăng ký thực hiện	-nt-
21	KDL Cò Ông	TMD	Cò Ông	3,30			Không triển khai thực hiện	-nt-
22	Đường Nguyễn Văn Linh nối dài	DGT	Trung tâm	0,62			Không triển khai thực hiện	-nt-
23	Hồ chứa nước Núi Một	DTL	Trung tâm	3,45			Dừng triển khai thực hiện theo văn bản số 303/UBND-VP của UBND tỉnh ngày 12/1/2021	-nt-
24	Trung tâm hội nghị	DVH	Trung tâm	1,00			Chủ đầu tư không đăng ký thực hiện, không có trong kế hoạch đầu tư công	-nt-
25	Nhà làm việc Ban quản lý di tích Côn Đảo	DTS	Trung tâm	1,92			Không triển khai thực hiện; do đã bố trí trong khuôn viên của Bảo tàng huyện Côn Đảo	-nt-
26	Hệ thống xử lý nước thải	RAC	Trung tâm	3,50			Không có chủ trương đầu tư	-nt-
27	Mỏ khai thác vật liệu san lấp số 04CĐ	SKX	Bến Đầm	1,76			Ngày 01 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 7848/UBND-VP. Theo đó: “đồng ý theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo tại văn bản số 2159/UBND-TNMT ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Văn bản số 3016/UBND-TNMT ngày 28 tháng 9 năm 2020 về việc tạm dừng các thủ tục thuê đất thực hiện dự án khai thác mỏ vật liệu san lấp – đá xây dựng số 04CĐ cho đến khi sử dụng hết khối lượng vật liệu dôi dư đã khai thác trên địa bàn huyện Côn Đảo	-nt-



PHỤ LỤC SỐ 02:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2011-2020 HUYỆN CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2010	Diện tích quy hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện			Cơ cấu (%)
					Diện tích	So sánh hiện trạng với		
						QH được duyệt	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	= (6)-(5)	(6)/(5)%	= (6-4)/(5-4)%
	Tổng diện tích tự nhiên		7.517,97	7.537,29	7.578,87	41,58	100,55	315,22
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.098,14	6.524,65	6.718,76	194,11	102,98	145,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA	65,29					100,00
	<i>Trong đó: Đất trồng lúa nước 1 vụ</i>	<i>LUK</i>	<i>65,29</i>					<i>100,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	55,57	52,82	83,38	30,56	157,86	1.011,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	48,9	12,79	103,56	90,77	809,70	-151,37
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	313,32	475,37	629,47	154,10	132,42	195,09
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.604,68	5.973,25	5.901,03	-72,22	98,79	80,41
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX						
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	10,38	2,04	1,32	-0,72	64,71	108,63
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		8,38		-8,38		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	543,94	1.012,64	707,92	-304,72	69,91	34,99
2.1	Đất quốc phòng	CQP	50,37	180,21	83,43	-96,78	46,30	25,46
2.2	Đất an ninh	CAN	2,87	3,99	2,63	-1,36	65,91	-21,43
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK						
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		20,25		-20,25		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	38,29	225,61	96,61	-129,00	42,82	31,13
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	22,3	12,66	0,57	-12,09	4,50	225,41
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	22,33	3,60	5,18	1,58	143,89	91,56
2.9	Đất hạ tầng	DHT	362,20	398,92	437,53	38,61	109,68	205,15
2.9.1	Đất giao thông	DGT	224,69	198,31	287,41	89,10	144,93	-237,76
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	66,87	75,54	63,63	-11,91	84,23	-37,37
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,42	19,94	7,36	-12,58	36,91	13,36
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	1,37	2,44	1,48	-0,96	60,66	10,28
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	4,48	9,90	6,79	-3,11	68,59	42,62
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao	DTT	1,33	10,97	1,29	-9,68	11,76	-0,41
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	2,38	12,63	3,00	-9,63	23,75	6,05
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,95	1,82	1,74	-0,08	95,60	161,54
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG						



Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2010	Diện tích quy hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện			Cơ cấu (%)
					Diện tích	So sánh hiện trạng với		
						QH được duyệt	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	= (6)-(5)	(6)/(5)%	= (6-4)/(5-4)%
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	51,89	52,17	60,67	8,50	116,29	3.135,71
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		8,68	0,48	-8,20	5,53	5,53
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON						
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,60	5,44	1,60	-3,84	29,41	
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH						
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH						
2.9.16	Đất chợ	DCH	0,22	1,08	2,08	1,00	192,59	216,28
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL						
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,40	2,40		-2,40		-20,00
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	1,48	2,74	3,78	1,04	137,96	182,54
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	23,76		36,65	36,65		-54,25
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		50,00		-50,00		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,93	8,63	5,25	-3,38	60,83	-25,19
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	13,94	8,27	8,44	0,17	102,06	97,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN						
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		1,12	1,13	0,01	100,89	100,89
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		93,10	6,91	-86,19	7,42	7,42
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,07	1,14	19,82	18,68	1.738,6	1.845,79
3	Đất chưa sử dụng	CSD	875,89		152,19	152,19		82,62



PHỤ LỤC 03:

KẾT QUẢ TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Đơn vị tính: ha

Stt	LOẠI ĐẤT	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch thời kỳ 2021-2030		So sánh (ha)
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
	Tổng hợp diện tích tự nhiên		7.578,87	100	7.578,87	100	
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.718,76	88,65	6.351,74	83,81	-367,02
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	186,94	2,47	53,85	0,71	-133,09
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	83,38	1,10	29,67	0,39	-53,71
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA					
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	83,38	1,10	29,67	0,39	-53,71
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	103,56	1,37	24,18	0,32	-79,38
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	6.530,50	86,17	6.287,78	82,96	-242,72
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	629,47	8,31	407,39	5,38	-222,08
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.901,03	77,86	5.880,39	77,59	-20,64
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,32	0,02	1,05	0,01	-0,27
1.4	Đất làm muối	LMU					
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH			9,06	0,12	9,06
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	707,92	9,34	1.149,64	15,17	441,72
2.1	Đất quốc phòng	CQP	83,43	1,10	84,50	1,11	1,07
2.2	Đất an ninh	CAN	2,63	0,03	4,29	0,06	1,66
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			19,44	0,26	19,44
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	96,61	1,27	209,77	2,77	113,16
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,57	0,01	1,98	0,03	1,41
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	5,18	0,07	1,97	0,03	-3,21
2.9	Đất hạ tầng	DHT	437,53	5,77	642,06	8,47	204,53
2.9.1	Đất giao thông	DGT	287,41	3,79	403,30	5,32	115,89
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	63,63	0,84	85,49	1,13	21,86
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	7,36	0,10	8,80	0,12	1,44
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	1,48	0,02	3,40	0,04	1,92
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	6,79	0,09	10,15	0,13	3,36
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao	DTT	1,29	0,02	6,66	0,09	5,37
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	3,00	0,04	16,75	0,22	13,75
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,74	0,02	1,76	0,02	0,02
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	60,67	0,80	94,15	1,24	33,48
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,48	0,01	3,88	0,05	3,40
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.9.13	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,60	0,02	5,68	0,07	4,08
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH					
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH					
2.9.16	Đất chợ	DCH	2,08	0,03	2,04	0,03	-0,04
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			1,28	0,02	1,28
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	3,78	0,05	61,83	0,82	58,05
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	36,65	0,48			-36,65
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT			82,36	1,09	82,36



Stt	LOẠI ĐẤT	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch thời kỳ 2021-2030		So sánh (ha)
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,25	0,07	5,23	0,07	-0,02
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,44	0,11	8,43	0,11	-0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN					
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,13	0,01	1,13	0,01	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,91	0,09	5,88	0,08	-1,03
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,82	0,26	19,50	0,26	-0,32
3	Đất chưa sử dụng	CSD	152,19	2,01	77,49	1,02	-74,70
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	152,19	2,01	77,49	1,02	-74,70
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS					
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS					



PHỤ LỤC SỐ 04:

DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021- 2030 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	367,02
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	52,43
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	78,35
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	215,33
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	20,64
1.6	Đất trồng rừng sản xuất	RSX/PNN	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,27
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NNK/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		6,75
	Trong đó:		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)	6,75
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR^(a)</i>	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	



PHỤ LỤC SỐ 05:

DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRONG KỶ QUY HOẠCH 2021-2030 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	74,70
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	62,24
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất hạ tầng	DHT	11,06
	Trong đó:		
2.9.1	Đất giao thông	DGT	10,79
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,27
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	
2.9.16	Đất chợ	DCH	



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1,40
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	



PHỤ LỤC SỐ 06:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021- 2030 HUYỆN CÔN ĐẢO

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
DANH MỤC CÔNG TRÌNH HUYỆN ĐĂNG KÝ TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030 CỦA HUYỆN: (131 dự án)					626,46		521,81			
I	Đất quốc phòng (5 dự án)				10,02		10,02			
1	Công trình Quân sự chốt Ông Đụng	BCH Quân sự tỉnh	Bãi Ông Đụng huyện Côn Đảo	CQP	2,00		2,00	Đất nhà nước	CV số 1759/UBND-VP ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh v.v chủ trương giữ lại 02ha để xây dựng công trình quân sự tại Bãi Ông Đụng	Đã thực hiện đầu tư xây dựng
2	Trạm rada phòng không 367	Sư đoàn phòng không 367	Đỉnh Núi Thánh Giá	CQP	0,30		0,30	Nhà nước quản lý	CV số 8392/UB.XD ngày 08/12/2010 của UBND tỉnh	Đang làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ
	Trạm rada phòng không 367	Sư đoàn phòng không 367	Chân Núi Thánh Giá	CQP	3,00		3,00	Nhà nước quản lý	CV số 7135/UB.XD ngày 19/10/2010 của UBND tỉnh	
3	Trạm phối hợp tìm kiếm Cứu nạn Côn Đảo/Đồn Biên phòng Côn Đảo	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Bến Đầm	CQP	3,06		3,06	Đất nhà nước	"Văn bản 10202/UBND-VP ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh;/QĐ 1742/QĐ-BKHĐT ngày 01/10/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định cấp đất số 2452/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 về việc giao



	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Cơ sở pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
									Văn bản số 1768/BCH-TM ngày 29/9/2017 về việc thông báo thu hồi đất, BT&GPMB khu đất dự án xây dựng trạm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Côn Đảo	30.119,6 m ² ; giấy CN QSDĐ CV 844829 và CV844830
4	Đồn BP Côn Đảo vị trí mới	Bộ CH BĐBP tỉnh	Khu 3, h Côn Đảo	CQP	0,40		0,40	Đất nhà nước quản lý	CV số 7925/UBND-VP ngày 21/9/2016 v/v thỏa thuận địa điểm; CV số 2453/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 về việc giao đất xây dựng đồn BP Côn Đảo mới	Quyết định cấp đất số 2453/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 về việc giao 4.015m ² ; giấy CN QSDĐ CV844828
5	Kho Lương Dụng Huyện Côn Đảo	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường Võ Thị Sáu, Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo	CQP	1,26		1,26	Nhà nước quản lý	CV số 8836/UBND-VP ngày 19/08/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đã đo đạc, cắm mốc, lập danh sách điều tra cơ bản, lập bản đồ thu hồi đất trình VPKK thẩm định
II	Đất an ninh (5 dự án)				2,87		1,66			



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
1	Nhà công vụ công an Huyện Côn Đảo	Công an tỉnh BR - VT	TT Côn Đảo	CAN	0,17		0,17	Đất nhà nước	Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 về giao chi tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, QPAN và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 - Công văn số 819/SXD-QHKT ngày 16/3/2020 của Sở Xây dựng về giới thiệu địa điểm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở PCCC và Nhà công vụ Công an huyện Côn Đảo	Đang triển khai BTGPMB
2	Trụ sở CAH Côn Đảo (điều chỉnh)	Công an tỉnh BR - VT	TT Côn Đảo	CAN	0,02		0,02	Đất nhà nước	Công văn số 10069/UBND - VP về liên quan đến diện tích khu đất thực hiện dự án xây dựng trường MN Côn Đảo	Đang triển khai thủ tục pháp lý
3	Trụ sở đội cảnh sát PCCC huyện Côn Đảo	Công an tỉnh BR - VT	TT Côn Đảo	CAN	0,27		0,27	Đất nhà nước	Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 về giao chi tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, QPAN và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 - Quyết định số 3285/QĐ-	Đang triển khai thủ tục pháp lý



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
									UBND ngày 30/10/2020 về việc phê duyệt dự án	
4	Tổ PCCC Cỏ Ống thuộc PC07	Công an tỉnh BR – VT	Cỏ Ống, huyện Côn Đảo	CAN	0,20		0,20	Đất nhà nước		Đang triển khai thủ tục pháp lý
5	Tổ Cảnh sát đường thủy, PCCC&CHCN trên biển tại Bến Đầm	Công an tỉnh BR – VT	Bến Đầm, huyện Côn Đảo	CAN	2,21		1,00	Đất nhà nước	CV 1675/CAT-PH10 ngày 14/12/2020; CV số 1345/CAT-PH10 ngày 3/6/2021 của công an tỉnh.	Đang triển khai thủ tục pháp lý
III	Đất cụm công nghiệp (1 dự án)				19,44		19,44			
1	Xây dựng CSHT cụm công nghiệp Bến Đầm (tên dự án cũ: Cụm công nghiệp Bến Đầm)	UBND Huyện	Khu Bến Đầm	SKK	19,44		19,44	Đất nhà nước+đất SXKD	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện Côn Đảo phê duyệt chủ trương đầu tư, QĐ 1321/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Côn Đảo phê duyệt dự án	Hoàn tất công tác lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng; Đang thực hiện công tác BTGPMB và chuyển đổi mục đích SĐDR
IV	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (2 dự án)				1,41		1,41			



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
1	Xây dựng nhà máy nước sinh hoạt huyện Côn Đảo công suất 3,000m ³ /ng.đêm (tên dự án cũ: Nâng cấp công suất nhà máy xử lý nước sinh hoạt khu trung tâm (6.000m ³ /ng.đêm))	UBND Huyện	TT Côn Đảo	SKC	0,35		0,35	Đất nhà nước+đất dân	NQ số 78/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh Văn bản số 3453/UBND-QLDA ngày 04/11/2020	Thực hiện giai đoạn 2026-2030
2	Xây dựng nhà máy nước sinh hoạt huyện Côn Đảo công suất 10,000m ³ /ng.đêm (tên dự án cũ: Nâng cấp công suất nhà máy xử lý nước sinh hoạt khu trung tâm (6.000m ³ /ng.đêm))	UBND Huyện	TT Côn Đảo	SKC	1,06		1,06	Đất nhà nước	TB 406/TB-UBND ngày 03/6/2021, CV số 9536/UBND-VP ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh	Thực hiện giai đoạn 2026-2030
V	Đất thương mại, dịch vụ (26 dự án)				138,34		117,05			
1	Xây dựng 2 bể điều áp đầu các tuyến Bến Đầm, Cỏ Ống	Trạm cung cấp nước Côn Đảo	Bến Đầm, Cỏ Ống	TMD	0,10		0,06	Đất nhà nước	VB số 3163/UBND-VP ngày 15/5/2015 của UBND tỉnh	Đã xây dựng xong, đang làm thủ tục giao đất
2	Khu đất 0,83 ha (HH2.6)	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm	TMD	0,83		0,83	Nhà nước quản lý	VB số 5755/TB-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
3	Khu đất 0,5 ha tại trung tâm huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm	TMD	0,50		0,50	Nhà nước quản lý	VB 11677/UBND-VP ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện
4	Khu đất đầu giá 1,73ha tại huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	Đường Ng. Văn Linh - L. Thế Trân - H. Quốc Việt - Vũ Văn Hiếu	TMD	1,73		1,73	Nhà nước quản lý	VB số 1962/UBND-VP ngày 7/3/2018 của UBND tỉnh	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện
5	Khu đất 3,55 ha tại Đá Trắng, huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	Đá Trắng	TMD	1,52		1,52	Nhà nước quản lý	Công văn số 8961/UBND-VP ngày 7/9/2018 của UBND tỉnh	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện
6	Khu đất 1,42ha tại Trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TMD	1,42		1,42	Nhà nước quản lý	Công văn số 11291/UBND-VP ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện
7	Trung tâm thương mại	UBND huyện Côn Đảo	Góc đường Phạm Văn Đồng - Lê Duẩn	TMD	0,15		0,15	Nhà nước quản lý	Quyết định 1010/QĐ-UBND ngày 28/04/2016 của UBND tỉnh BR-VT về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm Côn Sơn	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Cơ sở pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
8	Khu Suối ớt	UBND huyện	Khu Suối ớt, KDC số 1, huyện Côn Đảo	TMD	1,90		1,90	Nhà nước quản lý	VB số 6000/UBND-VP ngày 30/6/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Đang triển khai thủ tục pháp lý
9	Khu đất 533,4m2	UBND huyện	Trần phú, Khu dân cư số 5, huyện Côn Đảo	TMD	0,05		0,05	Nhà nước quản lý	VB số 744/UBND-VP ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Đang triển khai thủ tục pháp lý
10	Khu HH 1.6 (gồm khối trụ sở UBND, Phòng TN&MT, Nhà khách khí tượng...)	UBND huyện	Khu trung tâm	TMD	1,33		1,33	Nhà nước quản lý	Quyết định 1010/QĐ-UBND ngày 28/04/2016 của UBND tỉnh BR-VT về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm Côn Sơn	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện
11	Khu HH 1.7 Viện KS nhân dân, BQL CTCC...)	UBND huyện	Khu trung tâm	TMD	1,03		1,03	Nhà nước quản lý+ đất dân	Quyết định 1010/QĐ-UBND ngày 28/04/2016 của UBND tỉnh BR-VT về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm Côn Sơn	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện
12	Trung tâm thương mại	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm	TMD	0,08		0,08	Nhà nước quản lý	Quyết định 1010/QĐ-UBND ngày 28/04/2016 của UBND tỉnh BR-VT về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm Côn Sơn	Đang thực hiện thủ tục đấu giá



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
									lệ 1/2000 khu trung tâm Côn Sơn	
13	Khu du lịch Phúc hợp Lò Vôi	UBND huyện	Khu Lò Vôi	TMD	5,62		5,62	Đất nhà nước	Số 805/UBND -TNMT đăng ký nhu cầu 2016-2020	Đang kêu gọi đầu tư, chưa triển khai thực hiện
14	Đất thương mại dịch vụ khu Đầm Trầu (thuê mt rừng)	UBND huyện	Cò óng	TMD	26,89		12,50	Đất nhà nước	Thỏa thuận địa điểm số 2015/SXD-KTQH ngày 02/11/2007. Quyết định phê duyệt QH chi tiết 1/500 số 3017/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh	Đang kêu gọi đầu tư, chưa triển khai thực hiện
15	"Khách sạn, thương mại dịch vụ trung tâm Côn Sơn gồm 16 khu (KS2.5; HH2.4; HH2.8; HH1.8; HH2.7; HH1.9; CC6.1;CC6.4;CC1.5; CC1.2; CC1.4;CC1.1;CC1.3;HH3.1 ;KS2.1;KS3.1phần còn lại)	UBND huyện	Trung tâm	TMD	16,68		16,68	Đất nhà nước	Theo QH phân khu 1/2000 và quy hoạch 1/500	Đang kêu gọi đầu tư, chưa triển khai thực hiện
16	Khu du lịch Bến Đầm gồm 9 khu (KS1b1; HH1b1;HH1b2;Hh3.2;KS1a.2;	UBND huyện	Bến Đầm	TMD	9,35		2,99	Đất nhà nước	Theo QH phân khu 1/2000 và quy hoạch 1/500	Đang kêu gọi đầu tư, chưa



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Cơ sở pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
	KS1a.3;KS1a.4;KS1a.5;HH 1a.2)									triển khai thực hiện
17	Khu đấu giá 0,77 ha (KS2.1)	TT PTQĐ tỉnh	Trung tâm	TMD	0,77		0,77	Nhà nước quản lý	VB số 1999/SKHĐT-ĐTKT ngày 2/10/2017 của Sở kế hoạch và đầu tư VB số 11464/UBND-VP ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện
18	Khu đất đấu giá 2,09 ha tại huyện Côn Đảo	TT PTQĐ tỉnh	Trung tâm	TMD	2,09		2,09	Nhà nước quản lý	QĐ số 3009/QĐ-UBND -VP ngày 03/04/2018 của UBND tỉnh	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện
19	Khu đất 1,36ha tại trung tâm huyện Côn Đảo	Trung tâm phát triển quỹ đất	Đường T. Phú- L.Thế Trân - P.Văn Đồng - Ngô Gia Tự	TMD	1,36		1,36	Nhà nước quản lý	VB số 3011/UBND-VP ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện
20	Khu khách sạn, biệt thự du lịch và dịch vụ (H2.2)	UBND huyện Côn Đảo	Trung tâm	TMD	1,22		1,22	Nhà nước quản lý	VB số 3477/UBND-VP ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh	Đang triển khai thực hiện
21	Khu đất 0,77ha tại Trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TT PTQĐ tỉnh	Đường H. Quốc Việt - L. Thế Trân - P.Văn Đồng	TMD	0,77		0,77	Nhà nước quản lý	CV số 6251/UBND-VP ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh	Đang lập thủ tục bàn giao cho huyện



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
22	Khu đất 0,9 ha tại TT huyện Côn Đảo	TT PTQĐ tỉnh	Trung tâm	TMD	0,91		0,91	Đất nhà nước + hộ dân	Công văn số 10190/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh	TTPT quỹ đất đang lập thủ tục bàn giao đất công về huyện quản lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh
23	Khu đất 0,64 ha tại TT Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TT PTQĐ tỉnh	Trung tâm	TMD	0,64		0,64	Đất nhà nước + hộ dân	CV số 11245/UBND-VP ngày 5/11/2018 của UBND tỉnh	TTPT quỹ đất đang lập thủ tục bàn giao đất công về huyện quản lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh
24	Khu đất 1,43 ha tại TT Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TT PTQĐ tỉnh	Trung tâm	TMD	1,43		0,93	Đất nhà nước + hộ dân	CV số 11409/UBND-VP ngày 8/11/2018 của UBND tỉnh	TTPT quỹ đất đang lập thủ tục bàn giao đất công về huyện quản lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh
25	Khu đất 1,62 ha tại TT Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TT PTQĐ tỉnh	Trung tâm	TMD	1,39		1,39	Đất nhà nước + hộ dân	CV số 11279/UBND-VP ngày 6/11/2018 của UBND tỉnh	Đang triển khai thực hiện



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
26	Đất khu thương mại dịch vụ	UBND huyện Côn Đảo	Toàn huyện	TMD	58,58		58,58	Đất nhà nước + đất dân		
VI	Đất giao thông (37 dự án)				160,27		155,75			
1	Đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo	Ban QLDA chuyên ngành giao thông	Trung tâm	DGT	28,20		28,20	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 110/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Quyết định 3147/QĐ - UBND ngày 30/10/2017; Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH	Xin chủ trương dừng công tác đấu thầu để nghiên cứu phương án xã hội hóa dự án.; Đang triển khai công tác bồi thường GPMB
2	Đường Ngô Gia tự kéo dài đến KDC số 3	UBND huyện Côn Đảo	TT Côn Đảo	DGT	4,45		4,45	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án
3	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu trung tâm Côn Đảo (Hạng mục: Xây dựng một số tuyến đường mới khu dân cư số 3 - giai đoạn 1+2)	UBND huyện Côn Đảo	KDC số 3, huyện Côn Đảo	DGT	12,77		12,77	Đất nhà nước + đất dân	Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh; QĐ số 2912/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh QĐ số 1521/QĐ-UBND	Trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
									ngày 28/12/2020 của UBND huyện	
4	Xây dựng một số tuyến đường theo QH khu Bến Đầm	BQLDA ĐTXD huyện	Khu Bến Đầm	DGT	0,59		0,59	Đất nhà nước	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện; Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện	Thi công hoàn thành
5	Cải tạo tuyến đường vào cổng chính nghĩa trang Hàng Dương (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	DGT	0,61		0,61	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND huyện; đã thi công lòng đường, nay bổ sung thu hồi đất vỉa hè	Thi công hoàn thành
6	Nâng cấp tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng	UBND huyện Côn Đảo	KDC số 3, huyện Côn Đảo	DGT	5,02		5,02	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 110/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án	- Đã Thông báo và tiến hành kiểm kê, đang hoàn thiện Phương án BT,HT,TĐC; - Thi công xây dựng công trình
7	Nâng cấp tuyến đường Võ Thị Sáu, huyện Côn Đảo	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	DGT	1,09		1,09	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện; Quyết định số	Đã hoàn thành



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
									410/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND huyện	
8	Xây dựng các tuyến đường quy hoạch trục chính xung quanh khu TĐC 9A	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	DGT	0,82		0,82	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của HĐND huyện Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện	- Đã Thông báo và tiến hành kiểm kê, đang hoàn thiện Phương án BT,HT,TĐC; - Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích SDĐR
9	Đường Phan Chu Trinh nối dài theo quy hoạch	BQLDA ĐTXD huyện	Khu 2, H. Côn Đảo	DGT	0,55		0,55	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của HĐND huyện QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	- Đã Thông báo và đang tiến hành kiểm kê để lập Phương án BT,HT,TĐC; - Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích SDĐR



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
10	Tuyến đường kết nối từ KDC 9a đến đường Nguyễn Văn Cừ	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	DGT	0,53		0,53	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của HĐND huyện QĐ số 1561/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	- Đã Thông báo và đang tiến hành kiểm kê để lập Phương án BT,HT,TĐC;
11	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch khu dân cư phía Bắc Nghĩa trang Hàng Dương	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	DGT	0,43		0,43	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của HĐND huyện QĐ số 1559/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	- Đã Thông báo và đang tiến hành kiểm kê để lập Phương án BT,HT,TĐC; - Thi công xây dựng
12	Nâng cấp đường Lưu Chí Hiếu	Phòng Kinh tế	TT Côn Đảo	DGT	0,37		0,37	Đất nhà nước	Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND huyện, phê duyệt báo cáo KTKT	Tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp, giám sát
13	Kéo dài đường trước mặt Trường THCS Lê Hồng	Phòng Kinh tế	TT Côn Đảo	DGT	0,42		0,42	Đất nhà nước	Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của	Đã hoàn thành



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Cơ sở pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
	Phong đến điểm giao với đường Nguyễn Huệ								UBND huyện, phê duyệt báo cáo KTKT	
14	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo	Ban Quản lý cảng Bến Đầm	Khu 10, huyện Côn Đảo	DGT	12,00		12,00	Đất nhà nước	Quyết định số 851/QĐ-BTS ngày 24/10/2006 của Bộ Thủy sản - Quyết định số 3658/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/9/2018 của Bộ NN&PTNT - Quyết định số 241/QĐ-BQL ngày 27/9/2018 của BQL cảng Bến Đầm về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo, tỉnh BRVT.	Đã thực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất
15	Kho bãi chứa hàng tại cảng Bến Đầm	Ban Quản lý cảng Bến Đầm	Khu 10, huyện Côn Đảo	DGT	3,22		3,22	Đất nhà nước	-Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 12/6/2007	Đã thực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất
16	Nâng cấp đường Dương Thanh Khiết	BQLDA ĐTXD huyện	Khu 2, H. Côn Đảo	DGT	0,10		0,10	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 30/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của HĐND huyện QĐ số 1563/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND	- Đã Thông báo và đang tiến hành kiểm kê để lập Phương án BT,HT,TĐC; - Đang lập hồ sơ



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
									ngày 28/12/2020 của UBND huyện	điều chỉnh hướng tuyến;
17	Cảng tàu khách Côn Đảo	Ban Quản lý cảng Bến Đầm	Khu 5, huyện Côn Đảo	DGT	2,10		2,10	Đất nhà nước	-Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 14/6/2007; -Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 12/5/2011;	Đã thực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất
18	Tuyến đường nội bộ khu dân cư số 9 theo quy hoạch	BQLDA ĐTXD huyện	Trung tâm	DGT	0,66		0,66	Đất nhà nước + đất dân	NQ số 30/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND huyện Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đang lập các thủ tục đầu tư dự án
19	Tuyến đường nối từ khu tái định cư trung tâm đến đường Võ Thị Sáu	BQLDA ĐTXD huyện	Trung tâm	DGT	0,90		0,90	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đang lập các thủ tục đầu tư dự án
20	Đường Nguyễn Văn Trỗi nối dài theo quy hoạch	BQLDA ĐTXD huyện	Trung tâm	DGT	0,13		0,13	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đang lập các thủ tục đầu tư dự án
21	Bãi đậu xe chợ	BQL dự án ĐTXD huyện Côn Đảo	Trung tâm	DGT	0,09		0,09	Đất nhà nước	Quy hoạch 1/2000 Trung tâm Côn Sơn được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1010/QĐ-UBND ngày 28/4/2016	Thực hiện giai đoạn 2026-2030



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
22	Đường xuống bãi tắm	Ban QLDA ĐTXD	Trung tâm	DGT	0,44		0,44	Đất nhà nước	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện	Thực hiện giai đoạn 2026-2030
23	Bến cập tàu Hòn Bày Cạnh, Hòn Cau, Hòn Tre Lớn	BQL VQG	Hòn Bày Cạnh, Hòn Cau, Hòn Tre Lớn	DGT	0,15		0,15	Đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/07/2019	Thực hiện giai đoạn 2026-2030
24	MR cảng hàng không Côn Sơn		Cò ống	DGT	53,85		53,85	Đất nhà nước + đất dân	VB 1371/SXD-QHKT ngày 20/4/2020 của sở xây dựng tỉnh BRVT CV 12864/BGTVT-KHĐT ngày 16/12/2020 của Bộ GTVT Quyết định số 1533/QĐ-BGTVT ngày 17/8/2021 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không Côn Đảo giai đoạn 2030	Bộ GTVT đã phê duyệt QHCT 1/500
25	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu Bến Đầm và hệ thống thu gom xử lý nước thải khu Bến Đầm	UBND huyện Côn Đảo	Khu Bến Đầm	DGT	20,00		15,79	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
26	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư trung tâm Côn Đảo giai đoạn 2 (bao gồm các tuyến đường kết nối vào nhà ở xã hội)	UBND huyện	TT Côn Đảo	DGT	0,72		0,72	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	
27	Tuyến đường theo quy hoạch nối đường trục phía Bắc và đường Phan Chu Trinh	BQLDA ĐTXD huyện	Khu dân cư số 02, huyện Côn Đảo	DGT	0,31		0,31	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Trình HĐND huyện thông qua chủ trương đầu tư dự án
28	Đường Tây Bắc Côn Đảo (giai đoạn 2)	UBND huyện Côn Đảo	Huyện Côn Đảo	DGT	2,58		2,58	Đất rừng đặc dụng	Quyết định số 1518/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ	Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án
29	Nâng cấp đường Tạ Uyên	BQLDA ĐTXD huyện	KDC số 3, huyện Côn Đảo	DGT	0,36		0,36	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND huyện	Tổ chức đấu thầu gói thầu xây lắp
30	Đường tuần tra kết nối hệ thống cột mốc ranh giới đất rừng Vườn quốc gia Côn Đảo.	Vườn quốc gia Côn Đảo	Vườn quốc gia Côn Đảo, huyện Côn Đảo	DGT	2,29		2,29	Đất rừng đặc dụng	Công văn số 7677.UNBD-VP ngày 29/6/2021	
31	Cảng cá Bến Đầm	Ban Quản lý cảng Bến Đầm	Bến Đầm	DGT	2,77		2,77	Đất nhà nước	dự án đã được Bộ Thủy sản phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 216/QĐ KHĐT ngày 12/5/1997	



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
32	Nâng cấp đường Lưu Chí Hiếu (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	DGT	0,47		0,47	Đất nhà nước + đất dân	QĐ số 1009/QĐ-UBND ngày 4/9/2020 của UBND huyện về phê duyệt báo cáo KTKT công trình nâng cấp đường Lưu Chí Hiếu	Dự án thực hiện năm 2022
33	Bến xe giữa	Sở GTVT	Trung tâm	DGT	0,10		0,10	Đất nhà nước + đất dân	QĐ số 433/QĐ-UBND ngày 27/2/2019 của UBND tỉnh BRVT về phê duyệt tổng thể giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	
34	Bến xe đầu	Sở GTVT	Cỏ Ống	DGT	0,10		0,10	Đất nhà nước + đất dân	QĐ số 433/QĐ-UBND ngày 27/2/2019 của UBND tỉnh BRVT về phê duyệt tổng thể giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	
35	Bến xe cuối	Sở GTVT	Bến Đầm	DGT	0,10		0,10	Đất nhà nước + đất dân	QĐ số 433/QĐ-UBND ngày 27/2/2019 của UBND tỉnh BRVT về phê duyệt tổng thể giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa	



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Cơ sở pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
									Vũng Tàu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	
36	Bến kỹ thuật của xe buýt-xe taxi	Sở GTVT	Trung tâm	DGT	0,40		0,40	Đất nhà nước + đất dân	QĐ số 433/QĐ-UBND ngày 27/2/2019 của UBND tỉnh BRVT về phê duyệt tổng thể giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	
37	Nâng cấp chỉnh trang Đường vào miếu bà Hoàng Phi Yến	BQL dự án	Trung tâm	DGT	0,58		0,27	Đất nhà nước + đất dân		Dự án đang triển khai thi công xây dựng
VII	Đất thủy lợi (10 dự án)				64,91		64,91			
1	Hồ chứa nước Đát Dốc	BQL VQG	Khu vực Đát Dốc thuộc VQG	DTL	4,68		4,68	Đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/07/2019	Đang thực hiện đấu thầu thiết kế - tổng dự toán
2	04 bể chứa nước mưa PCCCR (Mũi DK, Cầu Ma Thiên Lãnh, Nhà Bàn, Núi Chúa)	BQL VQG	Vườn Quốc Gia Côn Đảo	DTL	0,05		0,05	Đất rừng đặc dụng	Quyết định 3783/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	Đã thi công hoàn thành 80%
3	Hồ chứa ông Cầu	BLQ VQG	Khu vực Bãi Ông Cầu	DTL	2,99		2,99	Đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 25/10/2019	Đang trình BC đề xuất chủ trương đầu tư



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
									4471/UBND-VP ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh	
4	Mở rộng, nạo vét hồ An Hải	UBND huyện Côn Đảo	TT Côn Đảo	DTL	23,35		23,35	Đất nhà nước quản lý	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh; PD chủ trương đầu tư; QĐ số 2941/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh PD dự án	Thi công xây dựng công trình; Đang triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng
5	Nâng cấp hệ thống cấp nước Bến Đầm- Cò Ông	UBND huyện Côn Đảo	Bến Đầm - Cò Ông	DTL	0,20		0,20	Đất nhà nước	NQ số 75/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 28/4/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH	- Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích SDĐR; - Đã hoàn thành công tác BTGPMB. - Thi công xây dựng công trình
6	Kiên cố hóa các tuyến mương thu gom nước của KDC số 3	UBND huyện Côn Đảo	KDC số 3, huyện Côn Đảo	DTL	1,32		1,32	Đất nhà nước + đất dân	Thông báo số 51/TB-SKHĐT ngày 29/8/2019 của Sở KHĐT; NQ số 70/N-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày	Đang triển khai thi công xây dựng công trình; Lập các thủ tục TH,BTGPMB.



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
									30/10/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án.	
7	Hồ chứa nước Suối Ót	UBND huyện Côn Đảo	Khu Cỏ Ống	DTL	2,18		2,18	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 17/09/2018 của UBND tỉnh; QĐ số 3509/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Thông báo số 2193/SNN-TL ngày 28/8/2019 của SNN&PTNT; Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH	<ul style="list-style-type: none">- Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích SDĐR;- Đã hoàn thành công tác BTGPMB;- Hoàn thiện công trình để bàn giao đưa vào sử dụng



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích			Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện 2021-2030			
8	Nạo vét hồ Quang Trung 1	Ban QLDA chuyên ngành NN & PTNT	Trung tâm	DTL	21,75		21,75	Đất nhà nước quản lý	- Nghị quyết số 431/HĐND-VP ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư '-Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư '-Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND tỉnh về giao chi tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2021	Đang thực hiện
9	Hồ chứa nước Lò Vôi	Ban QLDA chuyên ngành NN & PTNT	Trung tâm	DTL	3,89		3,89	Đất nhà nước quản lý	QĐ số 152/QĐ - UBND ngày 22/1/2019 của UBND tỉnh Quyết định số 3001/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng dự án đầu tư '-Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND tỉnh về giao chi tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2021	- Đã Thông báo và tiến hành kiểm kê, đang hoàn thiện Phương án BT,HT,TĐC;